

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15
ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non
cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục số ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, bao gồm: quy định về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, điều kiện đảm bảo, lộ trình thực hiện phổ cập giáo dục cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, cơ sở giáo dục mầm non và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trẻ em từ 3 đến 5 tuổi bán trú là trẻ em từ 3 tuổi đến 5 tuổi học và ăn,

ngủ trưa tại cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này.

2. Các xã, thôn đặc biệt khó khăn bao gồm: Các xã khu vực III, các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Trách nhiệm cơ quan nhà nước ở trung ương và chính quyền địa phương, gia đình và cơ sở giáo dục mầm non, đối với phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

1. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước ở trung ương và chính quyền địa phương

a) Quy hoạch, đầu tư xây dựng theo lộ trình, bảo đảm đủ trường lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

b) Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đăng ký đào tạo, tuyển dụng, bố trí đủ số lượng giáo viên mầm non theo định mức quy định để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

c) Triển khai đầy đủ các chính sách đối với trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cấp học mầm non;

d) Ban hành các chính sách của địa phương, ưu tiên nguồn lực thực hiện đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

2. Gia đình có trách nhiệm tạo điều kiện cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi được đến trường, lớp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non để đạt chuẩn phổ cập giáo dục từ 3 đến 5 tuổi.

3. Các cơ sở giáo dục mầm non có trách nhiệm tổ chức thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định.

Chương II

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI TRƯỜNG, LỚP, THIẾT BỊ DẠY HỌC, PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI

Điều 5. Chính sách đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp, thiết bị dạy học, phát triển đội ngũ đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

1. Tăng cường nguồn lực từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đầu tư cơ sở vật chất.

2. Ưu tiên đầu tư nguồn lực phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Khuyến khích thu hút các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật. Ưu tiên đầu tư, thu hút nguồn lực phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

3. Bố trí dành quỹ đất xây dựng cơ sở giáo dục mầm non trong kế hoạch sử dụng đất của địa phương; củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

4. Bảo đảm đủ trường lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo quy định đáp ứng nhu cầu tới trường của trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

a) Đến 2028: các cơ sở giáo dục mầm non được bố trí đủ trường lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, trong đó có từ 80% phòng học kiên cố trở lên thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

b) Đến 2030: các cơ sở giáo dục mầm non được bố trí đủ trường lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, trong đó có 100% phòng học kiên cố thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

5. Bảo đảm đủ số lượng giáo viên mầm non theo định mức quy định và đáp ứng đổi mới chương trình giáo dục mầm non.

Đến năm 2030: các cơ sở giáo dục mầm non được bố trí đủ số lượng giáo viên mầm non theo định mức quy định.

6. Bảo đảm chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trong cơ sở giáo dục mầm non.

Điều 6. Chính sách ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển, khu đông dân cư, địa bàn có khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất

1. Ưu tiên đầu tư kinh phí của Trung ương và địa phương từ các chương trình, dự án để xây dựng đảm bảo đến năm 2030 có 100% các cơ sở giáo dục mầm non công lập ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển, khu đông dân cư, địa bàn có khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất có đủ trường lớp, đảm bảo 01 phòng học/lớp mẫu giáo, 100% phòng học kiên cố, có đủ các phòng chức năng, thư viện trường mầm non, đủ đồ chơi ngoài trời, đồ chơi trong lớp và thiết bị dạy học theo quy định.

2. Cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền được ngân sách nhà nước hỗ trợ các chính sách theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

Chương III

PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI

Điều 7. Chương trình giáo dục thực hiện phổ cập giáo dục mầm non từ 3 đến 5 tuổi

Chương trình giáo dục thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi là Chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 8. Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

1. Đối với cá nhân: Hoàn thành chương trình giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo độ tuổi.

2. Đối với xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã)

a) Tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đến lớp đạt ít nhất 90%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 85%.

b) Tỷ lệ trẻ em từ 3 đến 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non từ 3 đến 5 tuổi theo độ tuổi hằng năm đạt ít nhất 85%; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%.

3. Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh): có ít nhất 90% số xã vùng thuận lợi và 85% số xã ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Điều 9. Người tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

1. Giáo viên mầm non dạy các lớp mầm non từ 3 đến 5 tuổi theo độ tuổi tại các cơ sở giáo dục mầm non.

2. Cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của Luật Giáo dục hiện hành.

3. Cơ sở giáo dục mầm non cử người theo dõi công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tại địa bàn được phân công.

Điều 10. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi

1. Cơ sở giáo dục mầm non thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi phải có đủ cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo quy định để tổ chức các hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non.

2. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư xây dựng trường, lớp, cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Điều 11. Thẩm quyền kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra và ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đối với cấp xã.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra và ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đối với cấp tỉnh.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

1. Hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, bao gồm:

- a) Danh sách dữ liệu kết xuất từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
- b) Sổ theo dõi phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.
- c) Danh sách trẻ em từ 3 đến 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non theo độ tuổi.

2. Hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn bao gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân xã.
- b) Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi kèm theo các biểu thống kê.
- c) Biên bản tự kiểm tra phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

- 1. Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- 2. Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi kèm theo các biểu thống kê.

3. Biên bản kiểm tra phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi của cấp tỉnh đối với cấp xã.

4. Quyết định công nhận các xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Điều 14. Nội dung kiểm tra, công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

1. Kiểm tra hồ sơ phổ cập và kiểm tra thực tế kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

2. Ban hành quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đối với xã hoặc tỉnh nếu đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định này.

Điều 15. Quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

1. Xã tự kiểm tra và lập hồ sơ đề nghị tỉnh kiểm tra công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

2. Tỉnh kiểm tra công nhận xã và lập hồ sơ đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Điều 16. Lộ trình thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

1. Đến 2028, phần đầu 50% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

2. Đến 2030, 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Chương IV

**ĐIỀU KIỆN, NGUYÊN TẮC, MỨC HƯỞNG CHÍNH SÁCH
HỖ TRỢ CHO TRẺ EM TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI, CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM
NON CÔNG LẬP CÓ TRẺ EM TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI BÁN TRÚ, THU HÚT
TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN MẦM NON CÔNG LẬP**

Điều 17. Điều kiện, mức hưởng chính sách trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

1. Điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập

Trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em hợp pháp là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

2. Điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa

a) Trẻ em độ tuổi từ 3 đến 5 tuổi (không bao gồm trẻ em dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người) thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

b) Trẻ em từ 3 đến 5 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

c) Trẻ em từ 3 đến 5 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo, cận nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ;

d) Trẻ em từ 3 đến 5 tuổi là con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh, con đối tượng chính sách khác theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có);

đ) Trẻ em từ 3 đến 5 tuổi khuyết tật học hòa nhập.

3. Mức hưởng chính sách

a) Hỗ trợ chi phí học tập: Mỗi trẻ em từ 3 đến 5 tuổi thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ chi phí học tập mỗi tháng là 150.000 đồng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học.

b) Hỗ trợ tiền ăn trưa: Mỗi trẻ em từ 3 đến 5 tuổi thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được hỗ trợ mỗi tháng là 360.000 đồng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học.

Điều 18. Điều kiện, mức hưởng chính sách thu hút tuyển dụng đối với giáo viên mầm non và hỗ trợ đối với nhân viên cấp học mầm non

1. Điều kiện hưởng chính sách

a) Giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập được tuyển dụng mới từ năm học 2025-2026 theo quy định của pháp luật thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đáp ứng nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, cam kết công tác tại cơ sở giáo dục mầm non được tuyển dụng ít nhất 5 năm.

b) Nhân viên tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập (kể cả hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế và những người trong thời gian thử việc) công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đang làm nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi mà trong tháng có từ 15 ngày/tháng trở lên đi đến các thôn, bản, phum, sóc.

2. Mức hưởng chính sách

a) Giáo viên mầm non quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng chính sách thu hút tối thiểu 01 năm tiền lương cơ bản.

b) Nhân viên các cơ sở giáo dục mầm non công lập quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng kinh phí hỗ trợ 960.000 đồng/tháng (kinh phí hỗ trợ không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội).

Điều 19. Nguyên tắc hưởng chính sách

Trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, giáo viên, nhân viên cấp học mầm non thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị định này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

Điều 20. Mức hưởng chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non công lập

1. Cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền, có trẻ em từ 3 đến 5 tuổi bán trú được hưởng các chính sách sau:

a) Được hỗ trợ tiền để mua giấy, truyện tranh, sáp màu, bút chì, đồ chơi và các đồ dùng, học liệu học tập khác; chăn, màn và các đồ dùng cá nhân cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi bán trú với mức kinh phí là 1.350.000 đồng/trẻ em từ 3 đến 5 tuổi bán trú/năm học;

b) Được hỗ trợ tiền điện, nước phục vụ học tập và sinh hoạt của trẻ em từ 3 đến 5 tuổi bán trú với định mức là 5KW điện/tháng/trẻ em từ 3 đến 5 tuổi bán trú và 01 m³ nước/tháng/trẻ em từ 3 đến 5 tuổi bán trú theo giá quy định tại địa

phương và được hưởng không quá 9 tháng/năm học. Nơi chưa có điều kiện cung cấp các dịch vụ điện, nước hoặc bị mất điện, nước thì nhà trường được sử dụng kinh phí để mua thiết bị thấp sáng và nước sạch cho trẻ em;

c) Được hỗ trợ kinh phí để thực hiện quản lý buổi trưa đối với nhóm trẻ em từ 3 đến 5 tuổi: Mỗi nhóm 25 trẻ em từ 3 - 4 tuổi, trong đó ít nhất có 8 trẻ em từ 3 đến 4 tuổi bán trú thì được hưởng 01 định mức; mỗi nhóm 30 trẻ em từ 4-5 tuổi, trong đó ít nhất có 10 trẻ em từ 4 đến 5 tuổi bán trú thì được hưởng 01 định mức; mỗi nhóm 35 trẻ em từ 5 - 6 tuổi, trong đó ít nhất có 15 trẻ em từ 5 đến 6 tuổi bán trú thì được hưởng 01 định mức là 700.000 đồng/tháng/nhóm trẻ em và được hưởng không quá 9 tháng/năm học. Số dư từ 50% trở lên so với số trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và số trẻ em từ 3 đến 5 tuổi bán trú của mỗi nhóm thì được tính 01 định mức.

2. Cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền, có trẻ em từ 3 đến 5 tuổi bán trú được được ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trẻ em như sau:

Kinh phí hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non từ 3 đến 5 tuổi được tính trên số lượng trẻ em từ 3 đến 5 tuổi được ăn bán trú, tối thiểu bằng 3.900.000 đồng/01 tháng/45 trẻ em, số dư từ 20 trẻ em trở lên được tính thêm một lần mức hỗ trợ. Mỗi cơ sở giáo dục mầm non được hưởng không quá 05 lần mức hỗ trợ nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm học.

Chương V

QUY TRÌNH, THỦ TỤC THỰC HIỆN

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TRẺ EM TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI,

THU HÚT TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN MẦM NON

Điều 21. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện và phương thức chi trả hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

1. Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện

- Đầu năm học, các cơ sở giáo dục mầm non loại hình dân lập, tư thục rà soát, lập danh sách trẻ em từ 3 đến 5 tuổi thuộc đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 17 Nghị định này, gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo thẩm định, phê duyệt.

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ sở giáo dục mầm non đề nghị, ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức xem xét phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng, trình ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của ủy ban nhân dân cấp xã, ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức xem xét phê duyệt đối tượng được hưởng chính sách, thông báo kết quả phê duyệt chính sách cho ủy ban nhân dân cấp xã và cơ sở giáo dục mầm non.

- Ngay sau khi có kết quả xét duyệt của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ủy ban nhân dân cấp xã thông báo tới cơ sở giáo dục mầm non để thực hiện công khai danh sách đối tượng được hưởng chính sách (trong thời hạn 03 ngày làm việc) và thực hiện chi trả.

2. Phương thức chi trả hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

Căn cứ kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ tiền ăn trưa được Kho bạc Nhà nước chuyển vào tài khoản của cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm chi trả cho đúng đối tượng và quyết toán với Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 22. Trình tự, thời gian xét duyệt và phương thức chi trả hỗ trợ thu hút tuyển dụng giáo viên mầm non

1. Trình tự, thời gian xét duyệt

- Đầu năm học, các cơ sở giáo dục mầm non công lập rà soát đối tượng giáo viên tuyển dụng mới được hưởng chính sách theo quy định tại Điều 18 Nghị định này, lập danh sách đề nghị ủy ban nhân dân xã;

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của cơ sở giáo dục mầm non, ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức xem xét hồ sơ, phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng, trình ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đối tượng được hưởng chính sách.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của ủy ban nhân dân cấp xã, ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt danh sách giáo viên được hưởng chính sách, thông báo kết quả phê duyệt chính sách cho ủy ban nhân dân cấp xã và cơ sở giáo dục mầm non.

- Ngay sau khi nhận được quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách giáo viên được hưởng chính sách, các cơ sở giáo dục mầm non thông báo công khai (trong thời hạn 03 ngày làm việc) và thực hiện chi trả.

2. Phương thức chi hỗ trợ thu hút tuyển dụng giáo viên mầm non

Các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện chi trả một lần tiền hỗ trợ thu hút tuyển dụng trực tiếp cho giáo viên sau khi được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

Chương VI **LẬP, PHÂN BỐ DỰ TOÁN, QUẢN LÝ VÀ QUYẾT TOÁN** **KINH PHÍ, NGUỒN KINH PHÍ**

Điều 23. Quy trình lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí

1. Lập dự toán: Hằng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, các cơ sở giáo dục mầm non căn cứ số lượng trẻ em từ 3 đến 5 tuổi được hưởng chính sách, kế hoạch tuyển dụng giáo viên để dự kiến số giáo viên được thu hút tuyển dụng lập danh sách, xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và giáo viên mầm non được thu hút.

Các cơ sở giáo dục trực thuộc cấp xã gửi về ủy ban nhân dân cấp xã để thẩm định trình ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, bố trí dự toán kinh phí thực hiện.

2. Phân bổ dự toán

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục đào tạo địa phương theo quy định.

3. Quản lý và quyết toán kinh phí

a) Các cơ sở giáo dục mầm non được giao kinh phí thực hiện chính sách cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, giáo viên mầm non có trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và gửi báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này về cơ quan quản lý cấp trên để tổng hợp, gửi cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 20 tháng 7 hằng năm làm căn cứ xác định, bố trí dự toán kinh phí của năm kế hoạch;

b) Số liệu quyết toán kinh phí chi trả chính sách cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, giáo viên mầm non được tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của đơn vị theo đúng quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

c) Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi bán trú quy định tại Điều 17 Nghị định này được thực hiện 2 lần trong năm học: lần 1 chi trả 4 tháng vào tháng 12 hằng năm; lần 2 chi trả vào tháng 4 hằng năm. Kinh phí hỗ trợ thu hút tuyển dụng giáo viên mầm non quy định tại Điều 18 Nghị định này được chi trả ngay sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ sở giáo dục thực hiện chi hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng theo quy định bằng hình thức chuyển khoản hoặc phát trực tiếp;

d) Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 24. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

1. Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách.

b) Ngân sách trung ương hỗ trợ đối với các địa phương chưa cân đối được ngân sách để thực hiện chính sách phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo quy định của pháp luật.

c) Nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

2. Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các chính sách, pháp luật về thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

3. Xây dựng và ban hành quy định điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

4. Hướng dẫn các địa phương xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non phục vụ yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5

tuổi; chỉ đạo, đôn đốc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đào tạo, tuyển dụng đủ số lượng giáo viên mầm non để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

5. Hướng dẫn các địa phương thực hiện quy định về chuyên môn, nghiệp vụ, đào tạo, bồi dưỡng người tham gia dạy học, bồi dưỡng nghiệp vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi cho người tham gia dạy học, người được theo dõi công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tại địa bàn được phân công và các cá nhân khác theo quy định. Chỉ đạo các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non gắn với quy hoạch nhân lực ngành giáo dục. Đổi mới căn bản, toàn diện nội dung, chương trình, phương thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non.

6. Xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để các địa phương triển khai thực hiện đảm bảo mục tiêu.

7. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng các chế độ, chính sách, bố trí ngân sách thực hiện chính sách phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

8. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn hỗ trợ việc thực hiện phổ cập giáo dục từ 3 đến 5 tuổi và kiểm tra, công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

9. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác điều tra, kiểm tra, đánh giá công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát hoàn thiện phần mềm quản lý dữ liệu phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thu thập, quản lý và sử dụng dữ liệu về dân cư, hoàn chỉnh dữ liệu phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của phường/xã/đặc khu.

Xây dựng kinh phí duy trì, nâng cấp, vận hành hệ thống hàng năm. Xây dựng chính sách hỗ trợ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phụ trách theo dõi phổ cập giáo dục mầm non. Triển khai hệ thống quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đến tất cả các cơ sở giáo dục mầm non trên toàn quốc. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện việc thu thập, xác thực và lưu trữ hồ sơ minh chứng theo quy định. Đảm bảo hệ thống quản lý hồ sơ điện tử phổ cập tích hợp, liên thông, đồng bộ thông tin với hệ thống quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Tổ chức tập huấn sử dụng phần mềm cho cán bộ phụ trách phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

10. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ về công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội và Nghị định này. Định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá, báo cáo với Chính phủ kết quả triển khai thực hiện, đề xuất các giải pháp, chương trình, đề án hỗ trợ để thực hiện có hiệu quả việc phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; tham mưu Chính phủ xây dựng Báo cáo sơ kết, tổng kết định kỳ và theo giai đoạn việc thực hiện Nghị quyết báo cáo Quốc hội.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Công an

Trong phạm vi, quyền hạn của mình phối hợp hỗ trợ Bộ Giáo dục và Đào tạo, ủy ban nhân dân các cấp, các cơ sở giáo dục mầm non rà soát, bổ sung và cung cấp dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để hỗ trợ xác định, huy động đối tượng trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trong diện phổ cập.

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tham mưu trình Chính phủ các chính sách về tiền lương, tiền công, khen thưởng, thu hút, tuyển dụng, sử dụng đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cấp học mầm non.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan trình cấp có thẩm quyền bố trí bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này theo quy định về phân cấp ngân sách hiện hành, cân đối nguồn chi đầu tư từ ngân sách Trung ương để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Điều 29. Trách nhiệm của các Bộ, ngành khác

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ban hành các văn bản, chính sách, kế hoạch triển khai, lộ trình chỉ đạo thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi của tỉnh đạt mục tiêu theo yêu cầu tại Nghị định này. Đưa mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hằng năm và giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045. Ban hành các chính sách phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương để đẩy nhanh phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn. Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, tạo điều kiện hỗ trợ, khuyến khích các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước đầu tư xây dựng phát triển giáo dục mầm non. Ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển, khu đông dân cư, địa bàn có khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất.

2. Chỉ đạo thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non; tăng cường nguồn lực, bảo đảm ngân sách ưu tiên cho phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; xây dựng và phê duyệt kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trường, lớp, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu cho các cơ sở giáo dục mầm non; thu hút, tuyển dụng giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này.

3. Căn cứ tình hình kinh tế - xã hội, khả năng cân đối tài chính ngân sách của địa phương, xây dựng, trình hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành định mức

cụ thể về hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, hỗ trợ chi phí học tập, thu hút đối với giáo viên mầm non, hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục từ 3 đến 5 tuổi; mức hỗ trợ cao hơn do ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, trình hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

4. Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, báo cáo hội đồng nhân dân cấp tỉnh để quyết định các giải pháp bảo đảm cân đối nguồn lực tài chính cho thực hiện chính sách tại địa phương; tổ chức kiểm tra, thanh tra đối với quá trình chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

5. Tổ chức kiểm tra, công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách tại địa phương theo quy định tại Nghị định này; Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Báo cáo tình hình thực hiện định kỳ hằng năm với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ ngành liên quan.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi của xã.

2. Tổ chức thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn.

3. Tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân phối hợp với các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

2. Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi quy định tại khoản 2 Điều 17 thay thế chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi quy định tại Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP; chính sách hỗ trợ cơ sở giáo dục mầm non công lập tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này thay thế chính sách hỗ trợ cho cơ sở giáo dục mầm non tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; các quy định về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi quy định tại các điều: 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 tại Nghị định này thay thế cho quy

định có liên quan tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi quy định tại các điều 5, 6, 22, 23, 25, 26, 28, 29, 30 của Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Điều 33. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và chính sách quy định tại Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch Quốc hội;
- TTg, PTTg Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (...).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính